

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 14/2021/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021; Thụ lý yêu cầu phản tố số 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn : Ông Phùng Bá C, sinh năm 1961

Bị đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1963

Đều có địa chỉ: Số nhà 37 khu phố Cao S, Thị trấn Rừng Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Văn B, sinh năm 1937

Bà Lê Thị Nh, sinh năm 1947

Đều có địa chỉ: Khu 2 Phố Bình M, thành phố Thanh H, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Phùng Bá C và Ngô Thị H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Ông Phùng Bá C và Ngô Thị H thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông C và bà H có 02 con chung: Phùng Thị H, sinh ngày 01/8/1986 và Phùng Bá T, sinh ngày 19/5/1987. Cháu H và cháu T đã trưởng thành ông C bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông Phùng Bá C và bà Ngô Thị H thống nhất, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có khối tài sản chung bao gồm:

+ Về đất: Diện tích đất $344,8m^2$ tại thửa đất số 194, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Đất ở $200m^2$; Đất vườn $144,8m^2$; Địa chỉ Số nhà 37 khu phố Cao S, Thị trấn Rừng Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 46077 ngày 24/8/2000 .mang tên Phạm Văn B và Lê Thị Nh.

Giá trị tài sản căn cứ vào Biên bản định giá của Hội đồng định giá ngày 28/10/2021 của Hội đồng định giá của UBND huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Các bên đều thống nhất với giá trị tài sản như sau.

Số liệu đo đạc thực tế diện tích đất là $333,2m^2$. Trong đó đất ở $222,2m^2$, đất vườn $111,2m^2$;

Phía Đông: Giáp nhà bà Giang

Phía Tây: Giáp nhà ông Viên

Phía Nam: Giáp đất lưu không đường điện

Phía Bắc: Giáp Quốc lộ 45

Đất ở: $222,2m^2 \times 5.500.000$ đồng = $1.222.100.000$ đồng;

Đất vườn: $111,2m^2 \times 2.750.000$ đồng = $305.800.000$ đồng

+ Tài sản trên đất:

- 01 Nhà mái bằng, tường xây gạch 220 nền lát gạch Ceramic 40x40 sơn điện hoàn chỉnh: $125,6m^2 \times 2.890.000$ đồng/ m^2 = $362.984.000$ đồng.

- 01 Bếp + nhà vệ sinh xây gạch nung, lát gạch Ceramic: $56,3m^2 \times 1.115.000$ đồng = $62.774.500$ đồng.

- 01 Giếng, vườn cây các bên thống nhất không yêu cầu định giá;

+ Đồ dùng dùng sinh hoạt:

- 01 Sập bằng gỗ gụ $1,6m \times 2m$ trị giá $15.000.000$ đồng;

- 01 Tủ tháp chùa bằng gỗ nhóm, khảm ngọc trai $2,5m \times 60cm \times 42,6m$ trị giá $25.000.000$ đồng;

- 01 Bộ bàn ghế khảm ngọc trai đồng kỵ tay 6 (gỗ nhóm) gồm 01 đoạn, 02 ghế đơn, 02 đôn, 01 bàn trị giá $5.000.000$ đồng.

- 01 Bộ ngựa bằng gỗ bi $3,23m \times 2m \times 12cm$ trị giá $15.000.000$ đồng;

- 01 Ti vi Sam sung 32 inh đời cũ không còn giá trị sử dụng;

- 01 Ti vi Panasonic 32 inh đời cũ không còn giá trị sử dụng;

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng ông Cử, bà Hoa là: $1.993.128.500$ đồng.

Bà Ngô Thị H và ông Phùng Bá C thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản chung như sau:

[1] Giao cho bà Ngô Thị H có quyền quản lý, sử dụng và tự định đoạt những tài sản sau:

1. Tổng diện tích đất 166.6m^2 . Trong đó đất ở $111.1\text{m}^2 \times 5.500.000 \text{ đồng/m}^2 = 611.050.000 \text{ đồng}$, 55.5m^2 đất vườn $\times 2.750.000 \text{ đồng/m}^2 = 152.625.000 \text{ đồng}$ thửa đất số 194, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính thị trấn Rừng Thông, huyện Đông sơn, tỉnh thanh Hóa; Địa chỉ Số nhà 37 khu phố Cao S, Thị trấn Rừng Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa. Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 36077 ngày 24/8/2000 mang tên Phạm Văn B và Lê Thị Nh.

Vị trí giáp ranh:

Phía Bắc: 5.95m giáp Quốc lộ 45

Phía Tây: 28.61m giáp nhà ông C

Phía Đông: 28.59m giáp nhà bà Gi

Phía Nam: 5.76m giáp Đường điện lưu không

Công trình trên đất cụ thể :

2. Nhà mái bằng ngán đôi diện tích: $62,8\text{m}^2 \times 2.890.000 \text{ đồng/m}^2 = 181.492.000 \text{ đồng}$. (Bà H ông C thỏa thuận tự ngán đôi tường nhà bằng nhau).

3. 01 Giếng, vườn cây các bên thống nhất không yêu cầu định giá;

4. 01 Tủ tháp chùa bằng gỗ nhóm, khảm ngọc trai $2,5\text{m} \times 60\text{cm} \times 42,6\text{m}$ trị giá = 25.000.000 đồng;

5. 01 Sập bằng gỗ gụ $1,6\text{m} \times 2\text{m}$ trị giá = 15.000.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản bà H được hưởng là: 985.167.000 đồng (Chín trăm tám lăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

[2] Giao cho ông Phùng Bá C có quyền quản lý, sử dụng và tự định đoạt những tài sản sau:

1. Tổng diện tích đất 166.6m^2 . Trong đó đất ở $111.1\text{m}^2 \times 5.500.000 \text{ đồng/m}^2 = 611.050.000 \text{ đồng}$, 55.5m^2 đất vườn $\times 2.750.000 \text{ đồng/m}^2 = 152.625.000 \text{ đồng}$ thửa đất số 194, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính thị trấn Rừng Thông, huyện Đông sơn, tỉnh thanh Hóa; Địa chỉ Số nhà 37 khu phố Cao S, Thị trấn Rừng Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa. Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 36077 ngày 24/8/2000 mang tên Phạm Văn B và Lê Thị Nh.

Vị trí giáp ranh:

Phía Bắc: 5.95m giáp Quốc lộ 45

Phía Tây: 28.51m giáp nhà ông V

Phía Đông: 28.61m giáp nhà bà H

Phía Nam: 5.76m giáp Đường điện lưu không.

2. Nhà mái bằng ngán đôi diện tích: $62,8\text{m}^2 \times 2.890.000 \text{ đồng/m}^2 = 181.492.000 \text{ đồng}$. (Bà H ông C thỏa thuận tự ngán đôi tường nhà bằng nhau).

3. 01 Bếp + nhà vệ sinh xây gạch nung, lát gạch Ceramic: $56,3\text{m}^2 \times 1.115.000 \text{ đồng} = 62.774.500 \text{ đồng}$.

4. 01 Bộ ngựa bằng gỗ bi $3,23\text{m} \times 2\text{m} \times 12\text{cm}$ trị giá = 15.000.000 đồng;

5. 01 Bộ bàn ghế khảm ngọc trai đồng ký tay 6 (gỗ nhóm) gồm 01 đoan, 02 ghế đơn, 02 đôn, 01 bàn trị giá = 5.000.000 đồng.

6. 01 Tivi Samsung 32 inch đời cũ không còn giá trị sử dụng;

7. 01 Tivi Panasonic 32 inch đời cũ không còn giá trị sử dụng;

Tổng giá trị tài sản ông C được hưởng là: 1.027.941.500 đồng (Một tỷ không trăm hai bảy triệu chín trăm bốn mươi một nghìn năm trăm đồng).

(Có sơ đồ kèm theo)

Ông Phùng Bá C và bà Ngô Thị H có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với quyết định khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà Ngô Thị H phải chịu 20.777.505 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng), theo biên lai thu số AA/2019/0008688 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn. Bà H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 222.495 đồng.

Ông Phùng Bá C phải chịu 21.419.122 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số AA/2019/0008672 ngày 05/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn. Ông C còn phải nộp 21.119.122 đồng tiền án phí DSST.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Đông Sơn;
- UBND xã Đông Xuân (nay là thị trấn Rừng Thông)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trịnh Thị Hà